

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
VIỆN CÔNG NGHỆ HÓA SINH - MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT
ĐIỀU DƯỠNG NHI KHOA

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Bùi Kim Thuận

Học hàm, học vị:

Địa chỉ liên hệ: Trường đại học Y khoa Vinh, số 161 Nguyễn Phong Sắc, Hưng Dũng,
Thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính:

Giảng viên 2: Nguyễn Thị Sương

Học hàm, học vị:

Địa chỉ liên hệ: trường đại học Vinh

Điện thoại, email: Sđt: 0969760387, email: nguyen.suong16194@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Điều dưỡng Nhi (tiếng Anh):
- Mã số học phần: NUR30018
- Thuộc CTĐT ngành: Điều dưỡng
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 15 + Số tiết thảo luận/bài tập: 0 + Số tiết thực hành: 30 + Số tiết tự học: 90
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở 1,2 Mã số HP: NUR30011 + Học phần học trước: Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thực hành.
- Bộ môn phụ trách học phần: Điện thoại: 0383855452 Email: viencnhsmt@vinhuni.edu.vn

2. Mô tả học phần:

Học phần Điều dưỡng Nhi là môn học thuộc khối kiến thức ngành của ngành Điều Dưỡng, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết về sự phát triển của trẻ em qua các thời kì, đặc điểm giải phẫu cơ thể sinh lý, sự phát triển thể chất, tinh thần trẻ em và cách chăm sóc một số bệnh thường gặp ở đối tượng này như: tiêu chảy cấp, thiếu vitamin A, nhiễm trùng hô hấp, hội chứng thận hư, chương trình tiêm chủng mở rộng và IMCI. Đồng thời sinh viên có thể tự rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm; làm quen với kỹ năng làm việc trong các cơ sở y tế; phát triển tư duy logic và phản biện đồng thời vận dụng các kiến thức vào chăm sóc người bệnh trong các cơ sở y tế.

3. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần này sinh viên áp dụng và phân tích được các kiến thức cơ bản về sự phát triển của trẻ em qua các thời kì, đặc điểm giải phẫu cơ thể sinh lý, sự phát triển thể chất, tinh thần trẻ em đồng thời thành thạo kỹ năng chăm sóc một số bệnh thường gặp ở đối tượng này như tiêu chảy cấp, thiếu vitamin A, nhiễm trùng hô hấp, hội chứng thận hư, chương trình tiêm chủng mở rộng và IMCI. Sinh viên thể hiện tinh thần làm việc nhóm hiệu quả, giao tiếp tốt với bệnh nhân và thiết kế kế hoạch chăm sóc bệnh nhân Nhi trong các cơ sở y tế.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	3.5	Áp dụng và phân tích các kiến thức cơ bản vào chăm sóc bệnh nhi	Thuyết trình	Tự luận
CLO2.1	3.0	Thành thạo các kỹ năng trong thực hành chăm sóc bệnh nhi	Thực hành và làm việc nhóm	Thực hành
CLO3.1	3.5	Kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân hiệu quả	Thực hành và làm việc nhóm	Phỏng vấn
CLO3.2	3.5	Tổ chức, hoạt động và phát triển nhóm hiệu quả	Thực hành và làm việc nhóm	Phỏng vấn
CLO4.1	3.5	Thiết kế kế hoạch chăm sóc bệnh nhi	Thảo luận	Phỏng vấn

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên					30%
A1.1	- Chuyên cần	- Rubric 1	CLO1.1	60%	15%

	- Ý thức thái độ học tập		CLO3.2	40%	
A1.2	- Bài tập cá nhân/Bài tập nhóm SV nộp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án	CLO1.1 CLO3.2 CLO4.1	50% 20% 30%	15%
A2. Đánh giá giữa kỳ					20%
A2.1	- Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	CLO1.1 CLO3.2	50% 50%	
A3. Đánh giá cuối kỳ					50%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	CLO1.1 CLO3.2 CLO4.1	30% 30% 40%	50%
A3.2 (Thực hành)	- Kiểm tra kỹ năng thực hành tại các cơ sở y tế <i>Ghi chú: Giảng viên dạy thực hành đánh giá và lưu hồ sơ</i>	- Rubric 2	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1	20% 25% 20% 10% 25%	50%
Điểm tổng kết: A1.1*10% + A1.2*20% + A2*20% + (A3.1 + A3.2)* 50%					

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

- Ví dụ về công cụ đánh giá: Rubrics, đáp án, bảng kiểm...

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học ~7% so với quy định	Vắng học ~14% so với quy định	Vắng học ~20% so với quy định	Vắng học quá 20% số giờ theo quy định	50%
Vào lớp học đúng giờ	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn >6 buổi	20%

Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu ($\geq N$) (N được tính 100% hoạt động)	Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu ($\sim 75\%N$ hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu ($\sim 50\%N$ hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu ($\sim 25\%N$ hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,...)	- Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (ví dụ 2 bài) - Nộp bài tập đúng hạn	- Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (ví dụ 2 bài) - Nộp bài tập không đúng hạn	- Làm được 50% bài tập cá nhân (ví dụ 1 bài) - Nộp bài tập đúng hạn	- Làm được 50% bài tập cá nhân (ví dụ 1 bài) - Nộp bài tập không đúng hạn	Không nộp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy bài của người khác nộp (<i>qua các câu hỏi của GV</i>)	15%

Đánh giá bài A3.2

CĐR	Kém (0-4)	Trung bình (5-6)	Khá (7-8)	Giỏi (9-10)	Điểm tối đa
CLO1.1 <i>Áp dụng và phân tích các kiến thức cơ bản vào chăm sóc bệnh nhi</i>	Không áp dụng và phân tích được các kiến thức cơ bản vào chăm sóc bệnh nhi	Áp dụng và phân tích được ít các kiến thức cơ bản vào chăm sóc bệnh nhi	Áp dụng và phân tích được đa số các kiến thức cơ bản vào chăm sóc bệnh nhi	Áp dụng và phân tích nhuần nhuyễn các kiến thức cơ bản vào chăm sóc bệnh nhi	2
CLO2.1 <i>: Thành thạo các kỹ năng trong thực hành chăm sóc bệnh nhi</i>	Không thực hiện được kỹ năng thực hành và sử dụng dụng cụ, trang thiết bị để giải quyết vấn đề chăm sóc	Thực hiện chưa vững kỹ năng và sử dụng dụng cụ và trang thiết bị để giải quyết vấn đề chăm sóc	Thực hiện cơ bản quá trình thực hành và sử dụng dụng cụ, trang thiết bị để giải quyết vấn đề chăm sóc	Thực hiện tốt quá trình thực hành và sử dụng dụng cụ, trang thiết bị để giải quyết vấn đề chăm sóc	2,5
CLO3.1 <i>Kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân hiệu quả</i>	Giao tiếp kém với bệnh nhân trong thực hành chăm sóc	Giao tiếp hiệu quả chưa cao với bệnh nhân trong thực hành chăm sóc	Giao tiếp khá với bệnh nhân trong thực hành chăm sóc	Giao tiếp hiệu quả cao và nắm bắt tốt tâm lý bệnh nhân trong thực hành chăm sóc	2

CLO3.2 <i>Tổ chức, hoạt động và phát triển nhóm hiệu quả</i>	Rất ít tham gia hoạt động và góp ý kiến cùng nhóm	Ít tham gia hoạt động và góp ý kiến cùng nhóm	Tham gia hoạt động và có đóng góp ý kiến cùng nhóm	Tham gia tích cực hoạt động và có nhiều ý kiến xây dựng cùng nhóm	1
CLO4.1 <i>Thiết kế kế hoạch chăm sóc bệnh nhi trong các cơ sở y tế</i>	Không đề xuất được kế hoạch thực hành chăm sóc	Đề xuất được kế hoạch thực hành chăm sóc, nhưng còn nhiều thiếu sót	Đề xuất được kế hoạch thực hành chăm sóc nhưng chưa đầy đủ	Đề xuất được kế hoạch thực hành chăm sóc	2,5
Tổng					10

6. Tài liệu học tập:

6.1. Giáo trình:

Nguyễn Thị Phương Nga, giáo trình điều dưỡng Nhi khoa, nhà xuất bản Hà Nội, 2007

Hoàng Công Chánh, điều dưỡng Nhi khoa, NXB Y học, 2012

6.2. Tài liệu tham khảo:

Đặng Văn Nhiễm, giáo trình điều dưỡng Nhi khoa, NXB Y học, 2015

7. Kế hoạch dạy học

Lý thuyết:

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
1	1.Sự phát triển của trẻ em qua 6 thời kỳ 1.1 Đại cương 1.2 Các thời kỳ phát triển bình thường của trẻ 1.2.1 Thời kỳ sơ sinh 1.2.2 Thời kỳ bú mẹ 1.2.3 Thời kỳ thiếu niên 1.2.4 Thời kỳ dậy thì 2. Đặc điểm giải phẫu cơ thể sinh lý trẻ em 2.1 Da và lớp mỡ dưới da 2.2 hệ cơ 2.3 Hệ xương 2.4 Hệ hô hấp 2.5 Hệ tuần hoàn 2.6 Hệ tạo máu 2.7 Hệ tiêu hóa, tiết niệu	- <i>Lý thuyết (3 tiết)</i> Hoạt động : Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời <i>Tự đọc:</i> giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc	Đọc trước giáo trình	CLO1.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A2.1 A3.1
2	Sự phát triển thể chất của trẻ em	- <i>Lý thuyết (2 tiết)</i> + Hoạt động 1: Kiểm tra nội dung	Đọc trước giáo trình	CLO1.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A2.1 A3.1

	<p>1. Yếu tố ảnh hưởng đến phát triển thể chất</p> <p>2. Sự phát triển thể chất bình thường</p> <p>2.1 Cân nặng</p> <p>2.2 Chiều cao</p> <p>2.3 Vòng đầu, vòng ngực, cánh tay</p> <p>Sự phát triển tinh thần, vận động trẻ em</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Quá trình phát triển bình thường của trẻ em</p>	<p>tự học của sinh viên tuần 1.</p> <p>+ Hoạt động 2: Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời</p> <p><i>Tự đọc:</i> giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc</p>			
3	<p>Thiếu vitamin A và bệnh khô mắt ở trẻ em</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Nguyên nhân</p> <p>3. Triệu chứng</p> <p>4. Chăm sóc</p> <p>Chăm sóc trẻ còi xương do thiếu vitamin D</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Nguyên nhân</p> <p>3. Triệu chứng</p> <p>4. Chăm sóc</p>	<p>- <i>Lý thuyết (2 tiết)</i></p> <p>+ Hoạt động 1: Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên tuần 2.</p> <p>+ Hoạt động 2: Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời</p> <p><i>Tự đọc:</i> giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc</p>	Đọc trước giáo trình	CLO1.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A2.1 A3.1
4	<p>Bệnh tiêu chảy và chương trình phòng chống tiêu chảy</p> <p>1. Chương trình phòng chống tiêu chảy</p> <p>2. Bệnh tiêu chảy</p> <p>2.1 Định nghĩa</p> <p>2.2 Tác hại</p> <p>2.3 Nguyên nhân</p> <p>2.4 Triệu chứng chính và cách phân loại</p> <p>2.5 Phòng bệnh</p> <p>Chăm sóc trẻ bị tiêu chảy</p> <p>1. Nhận định</p> <p>2. Lập kế hoạch chăm sóc</p>	<p>- <i>Lý thuyết (2 tiết)</i></p> <p>+ Hoạt động 1: Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên tuần 3.</p> <p>+ Hoạt động 2: Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời</p> <p><i>Tự đọc:</i> giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc</p>	Đọc trước giáo trình	CLO1.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A2.1 A3.1
5	<p>Nhiễm khuẩn hô hấp và chương trình phòng chống nhiễm khuẩn hô hấp</p> <p>1. Chương trình nhiễm khuẩn hô hấp cấp</p> <p>2. Nhiễm khuẩn hô hấp</p> <p>2.1 Nguyên nhân</p>	<p>- <i>Lý thuyết (2 tiết)</i></p> <p>+ Hoạt động 1: Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên tuần 4.</p> <p>+ Hoạt động 2: Thuyết giảng kết</p>	Đọc trước giáo trình	CLO1.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A2.1 A3.1

	<p>2.2 Triệu chứng 2.3 Phân loại 3. Phòng bệnh</p> <p>Chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn hô hấp cấp 1. Nhận định 2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc</p>	<p>hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời <i>Tự đọc:</i> giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc</p>			
6	<p>Chăm sóc trẻ hội chứng thận hư 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Tiến triển và biến chứng 5. Chăm sóc</p> <p>Chăm sóc trẻ co giật 1. Đại cương 2. Hình thái lâm sàng 3. Nguyên nhân 4. Chăm sóc</p>	<p><i>Lý thuyết (4 tiết)</i> + Hoạt động 1: Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên tuần 5. + Hoạt động 2: Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời <i>Tự đọc:</i> giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc</p>	Đọc trước giáo trình	CLO1.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A2.1 A3.1
7	<p>Tiêm chủng và chương trình tiêm chủng mở rộng 1. Mục tiêu, mục đích, ý nghĩa của tiêm chủng 2. Lịch tiêm chủng 3. Thực hiện tiêm chủng 4. Tai biến và các phản ứng phụ có thể xảy ra</p> <p>Lồng ghép và chăm sóc trẻ bệnh (IMCI) 1. Đại cương 2. Mục tiêu chiến lược IMCI 3. Nội dung cấu thành chiến lược IMCI</p>	<p><i>Lý thuyết (4 tiết)</i> + Hoạt động 1: Kiểm tra nội dung tự học của sinh viên tuần 6. + Hoạt động 2: Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Slide các nội dung bài học. Đặt câu hỏi liên quan để sv suy nghĩ trả lời <i>Tự đọc:</i> giáo viên giao bài cho sinh viên về tự đọc</p>	Đọc trước giáo trình	CLO1.1 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A2.1 A3.1

Thực hành:

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
30 tiết	Thực hành các kiến thức đã học phần lý thuyết	Dạy học lâm sàng trên giường bệnh, bình bệnh án và kế hoạch chăm sóc, thảo luận nhóm	-Tham gia đầy đủ các buổi thực hành lâm sàng	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1	A1.1 A3.2

			-Tuân thủ các quy định của bệnh viện		
--	--	--	---	--	--

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

Trưởng bộ môn

Giảng viên

PGS.TS: Cao Tiên Trung

Nguyễn Thị Sương